

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 16 - 6 - 2023

V/v tranh chấp: “Xác nhận cha
cho con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Điều Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đỗ Thị Ngoãn

2. Bà Lê Thị Thận

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: bà Mai Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 283/2022/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp “Xác nhận cha cho con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2023/QĐXX - ST ngày 05 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Thị K, sinh năm: 1980

Địa chỉ: Thôn 2, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: ông Nguyễn Thành T, sinh năm: 1977

Địa chỉ: khu Đ, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: ông Điều K, sinh năm 1970

Địa chỉ: thôn 2, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Điều T, sinh năm: 1980

Địa chỉ: thôn S, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa; người liên quan ông Điều T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14/7/2022 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Thị K trình bày:

Năm 1999 bà K chung sống và có đăng ký kết hôn với ông Điều T. Quá trình chung sống có 04 con chung tên Thị Ngọc P, sinh năm: 2000; Điều Phi T, sinh năm: 2007; Điều Duy P, sinh năm: 2002 và Thị Mỹ D, sinh ngày: 28/4/2016. Tuy nhiên do mâu thuẫn gia đình nên vào năm 2015 bà Thị K và ông Điều K quen biết yêu nhau và có quan hệ nam nữ và ông Điều K. Sau đó thì bà K đã mang thai, trong thời gian này thì bà K đã đăng ký kết hôn với ông Điều T. Tuy nhiên giữa bà K và ông Thành đã sống ly thân do mâu thuẫn gia đình. Sau khi bà Thị K sinh con thì bà Thị K đăng ký khai sinh cháu tên là Thị Mỹ D; sinh ngày 28/4/2016 lấy họ của ông Điều T. Tại thời điểm sinh cháu D, bà Thị K và ông Điều T là vợ chồng hợp pháp nên bà đã đăng ký giấy khai sinh tên cháu là Thị Mỹ D theo họ của cha ông Điều T. Bà Thị K thừa nhận cháu C là con đẻ của chị và anh Nguyễn Văn T. Đến năm 2017 thì bà Thị K làm đơn ly hôn với ông Điều T và Tòa án nhân dân huyện B đã giải quyết theo bản án số 02/2017/HNGĐ-ST ngày 18/01/2017. Hiện nay bà Thị K và ông Điều K đã chung sống như vợ chồng. Sau khi chung sống với ông K bà K có nói với ông K, bé Dung là con đẻ của ông K. Vì vậy, bà Thị K đã dẫn cháu Dung đi xét nghiệm ADN. Căn cứ vào kết quả xét nghiệm ADN ngày 15/4/2022 của Trung tâm xét nghiệm ADN của công ty TNHH một thành viên TMDV DNA TESTINGS xác định cháu Thị Mỹ Duyên có cùng huyết thống với ông Điều K tỷ lệ độ tin cậy > 99,9999%. Vì vậy bà Thị K làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện B xác nhận cháu Thị Mỹ D là con đẻ của ông Điều K.

** Bị đơn ông Điều K có mặt tại phiên tòa trình bày:*

Năm 2015 ông K và bà Thị K có quan hệ tình cảm nam nữ với nhau. Thời điểm này bà K chưa ly hôn với ông Điều T. Đến năm 2017, bà K và ông Điều T ly hôn và đã có bản án số: 02/2017/HNGĐ-ST ngày 18/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện B. Hiện nay ông và bà Thị K đã chung sống với nhau như vợ chồng. Tại thời điểm sinh cháu Dung, bà Thị K và ông Điều T là vợ chồng hợp pháp nên bà K đã đăng ký giấy khai sinh tên cháu là Thị Mỹ D theo họ của cha ông Điều T. Nhưng thực tế từ khi cháu được sinh ra cho đến nay cháu D sống với ông. Theo kết quả xác định ADN xác định cháu D là con đẻ của ông K, ông đồng ý. Ngoài ra không ý kiến gì khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Điều T mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản nhưng ông T vắng mặt tại phiên tòa và trong suốt quá trình giải quyết vụ án đồng thời không gửi văn bản nào thể hiện ý kiến của ông cho Tòa án.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành các quy định pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các khoản 4 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 89; khoản 2 Điều 101 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xác nhận cha cho con của bà Thị K.

Các tài liệu, chứng cứ:

- Giấy khai sinh; sổ hộ khẩu và chứng minh nhân dân; giấy kết hôn; quyết định ly hôn; Về phiếu xét nghiệm ADN của Hội đồng khoa học công ty TNHH một thành viên TMDV DNA TESTINGS; Kết quả xét nghiệm ADN của Viện Công nghệ ADN và phân tích di truyền - GENLAB.

- Bản tự khai, biên bản lấy lời khai của các đương sự;

Các tình tiết nguyên đơn, bị đơn thống nhất:

- Điều thừa nhận thời gian chung sống, thống nhất cháu Thị Mỹ D là con đẻ của ông Điều K.

Tình tiết nguyên đơn, bị đơn không thống nhất:

- Không;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: bà Thị K khởi kiện ông Điều K về việc xác định ông K là bố đẻ của cháu Thị Mỹ D. Bị đơn ông Điều K có địa chỉ xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào khoản 4 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, căn cứ vào Điều 101 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 xác định vụ án trên tranh chấp về xác định cha cho con, và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B.

[2]. Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận vào năm 2014 khi bà Thị K và ông Điều T còn chung sống với nhau và là vợ chồng hợp pháp, bà Thị K và ông Điều K có tình cảm và có quan hệ nam nữ với nhau. Năm 2016 sau khi bà Thị K sinh con, bà Thị K đăng ký khai sinh cho cháu tên là Thị Mỹ Dung; sinh ngày 28/4/2016 lấy họ của ông Điều T là cha ruột vì thời điểm đó bà Thị K và ông T là vợ chồng hợp pháp. Đến năm 2017 thì bà Thị K làm đơn ly hôn với ông Điều T theo bản án số 02/2017/HNGĐ-ST ngày 18/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện B. Bà Thị K xác nhận cháu Thị Mỹ D là con đẻ của ông Điều K. Ông Điều K đồng ý cháu D là con ruột của ông K. Người liên quan ông Điều T vắng mặt trong các buổi làm việc, xét xử và không gửi văn bản nào thể hiện ý kiến của ông cho Tòa án. Do đó, xem như ông tự từ chối quyền và nghĩa vụ của mình. Căn cứ vào kết quả xét nghiệm ADN ngày 15/4/2022 của Trung tâm xét nghiệm ADN của công ty TNHH một thành viên TMDV DNA TESTINGS mà nguyên đơn bà Thị K giao

nộp (bút lục 02) và kết quả xét nghiệm ADN ngày 13/6/2023 của Viện Công nghệ ADN và phân tích di truyền - GENLAB xác định cháu Thị Mỹ D có cùng huyết thống với ông Điều K tỷ lệ độ tin cậy > 99,9999%. Do đó, Căn cứ Điều 89 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thị K về việc xác định cha cho con.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát: Phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3]: Về chi phí giám định AND: chi phí giám định AND số tiền 6.000.000đồng buộc ông Điều K nộp. Tuy nhiên do bà Thị K đã nộp tạm ứng nên cần buộc ông Điều K hoàn trả cho bà Thị K chi phí giám định với số tiền 6.000.000đồng.

[4] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí theo luật định.

Quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 89; Điều 101 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thị K về việc xác định cha cho con. Công nhận ông Điều K là bố đẻ của cháu Thị Mỹ D; sinh ngày 28/4/2016.

[2]. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Điều K hoàn trả cho bà Thị K chi phí giám định với số tiền 6.000.000đồng.

[3]. Về án phí: Bị đơn ông Điều K phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Chi cục thi hành án dân sự huyện B hoàn trả số tiền 300.000đồng cho bà Thị K mà nguyên đơn đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số 0000 ngày 28/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

[4]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Điền Thị Hạnh